

Bản án số: **230/2020/HS-PT**

Ngày: 19-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Nữ;

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Thanh Tùng

2. Ông Trần Nam Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2020/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Minh T và bị cáo Nguyễn Hải S do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2020/HS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện T.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Minh T, sinh ngày 22/03/1997 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hồng T và bà Bùi Thị S; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ từ ngày 08/9/2019 đến ngày 17/9/2019. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

2. Nguyễn Hải S, sinh ngày 15/8/1993 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm mộc; trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H và bà Phạm

Thị Thúy N; gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ 04; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ từ ngày 08/9/2019 đến ngày 17/9/2019. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo T và bị cáo S: Ông Phan Văn B, sinh năm 1953 – Luật sư Văn phòng Luật sư Phan Văn B và Cộng sự ; thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 29, Lê Hồng Phong, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, còn có bị cáo Ngô Hoàng T1, Trần Duy Q, Đinh Đức T2, Nguyễn Quốc T3 không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 07/9/2019, Ngô Hoàng T1, Trần Duy Q, Đinh Đức T2, Nguyễn Quốc T3, Phạm Minh T và Nguyễn Hải S ngồi nhậu ở nhà của người tên Vượt (bạn của T1), thuộc ấp Bùi Chu, xã B. Trong lúc ngồi nhậu, T1, Q, T2, T3, T, S cùng có nhu cầu sử dụng ma túy nên rủ cùng nhau góp mỗi người góp 500.000đ được tổng số tiền 3.000.000đ để mua ma túy rồi đi đến điểm hát Karaoke cùng sử dụng. T1 và Q điều khiển xe Mô tô BKS: 60F2-488.82 lên khu vực nhà thờ Thanh Hóa, xã Hố Nai 3 để mua ma túy, T1 gọi điện thoại cho đối tượng tên Hùng (không rõ nhân thân lai lịch), mua 02 viên thuốc lắc giá 500.000đ và 01 bịch ma túy giá 2.500.000đ. T1 và Q chạy xe về gặp T2, T3, T, S, rồi cả nhóm rủ nhau lên thuê phòng số 226 của quán Karoke Romance, ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến để sử dụng ma túy. Cả nhóm sử dụng ma túy đến 00 giờ ngày 08/9/2019 thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng gồm:

- 03 viên nén màu xanh không còn nguyên vẹn (niêm phong), có chữ ký của các đối tượng và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã Quảng Tiến, T, Đồng Nai.

- 01 bịch nylon hàn kín, chứa chất bột màu trắng (niêm phong), có chữ ký của các đối tượng và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã Quảng Tiến, T, Đồng Nai.

- 01 đĩa sứ màu trắng, 01 ống hút nhựa.

- 01 xe mô tô BKS: 60F2- 488.82.

- 01 ĐTDĐ hiệu Sam Sung số sim: 0937.770.422; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 7 số sim: 0898.401.161; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6 số sim: 0936.964.661; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 6 số sim: 0908.498.547; 01 ĐTDĐ hiệu SamSung số sim: 0916.784.602; 01 ĐTDĐ hiệu Sonas số sim: 0933.605.373.

Ngày 08/9/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số 382/QĐ yêu cầu giám định chất ma túy. Kết quả giám định số 1039/KLGD-PC09 ngày 13/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận:

- Mẫu viên nén màu xanh không còn nguyên vẹn (kí hiệu M1), được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,2560 gam, loại MDMA.

- Mẫu chất bột màu trắng (kí hiệu M2), được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,6546 gam, loại Ketamine.

Ngày 16/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Ngô Hoàng T1, Trần Duy Q, Đinh Đức T2, Nguyễn Quốc T3, Phạm Minh T và Nguyễn Hải S để điều tra theo quy định.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Ngô Hoàng T1, Trần Duy Q, Đinh Đức T2, Nguyễn Quốc T3, Phạm Minh T và Nguyễn Hải S có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 và Thông báo số 67A/2019/TB-TA ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung bản án, của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử các bị cáo Ngô Hoàng T1, Trần Duy Q, Đinh Đức T2, Nguyễn Quốc T3, Phạm Minh T và Nguyễn Hải S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Ngô Hoàng T1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải thi hành án phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó (từ ngày 08/9/2019 đến ngày 17/9/2019).

Xử phạt bị cáo Trần Duy Q 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải thi hành án phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó (từ ngày 08/9/2019 đến ngày 17/9/2019).

Xử phạt bị cáo Đinh Đức T2 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải thi hành án phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó (từ ngày 08/9/2019 đến ngày 17/9/2019).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T3 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải thi hành án phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó (từ ngày 08/9/2019 đến ngày 17/9/2019).

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải thi hành án phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó (từ ngày 08/9/2019 đến ngày 17/9/2019).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải S 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải thi hành án phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó (từ ngày 08/9/2019 đến ngày 17/9/2019).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 15 tháng 01 năm 2020, bị cáo Nguyễn Hải S có đơn kháng cáo cho rằng Tòa án tuyên bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là oan cho bị cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo S không phạm tội với lý do: Bị cáo chỉ là người được rủ sử dụng ma túy, Việc bị cáo sử dụng ma túy là khi hát karaoke thấy mọi người sử dụng ma túy bị cáo làm theo. Việc bị cáo sử dụng ma túy và chứng kiến có ma túy trên bàn không đủ căn cứ để chứng minh số ma túy để trên bàn tại phòng 226, quán Karaoke Romance là bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có phần tham gia góp vào của bị cáo.

- Ngày 15 tháng 01 năm 2020, bị cáo Phạm Minh T có đơn kháng cáo đề nghị: Bị cáo bị Tòa án tuyên phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là oan cho bị cáo. Tòa cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt là bị cáo có bác ruột là liệt sỹ. Bị cáo không được giao mang trọng lượng ma túy nào mà là người được rủ sử dụng chất ma túy tại phòng 226. Khi hát karaoke thấy mọi người sử dụng ma túy bị cáo làm theo. Bị cáo sử dụng ma túy và chứng kiến có ma túy trên bàn nhưng không đủ căn cứ để chứng minh số ma túy để trên bàn tại phòng 226, quán Karaoke Romance là có phần đóng góp của bị cáo, bị cáo chỉ đồng ý việc góp tiền để Q và T1 đi mua ma túy và việc góp tiền này cũng không đủ chứng minh số ma túy để trên bàn tại phòng 226 là có phần của bị cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thay đổi kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T và bị cáo S: Bị cáo T và bị cáo S có hành vi góp tiền để bị cáo T1 và Q đi mua ma túy về sử dụng nhưng khi Tòa không chứng minh được số ma túy bị thu giữ tại phòng 226, quán Karaoke Romance là do bị cáo T1 và Q dùng tiền góp đó để mua ma túy như Bản án sơ thẩm kết luận thì hai bị cáo T, S không phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 13 của Bộ luật Tố tụng hình sự “suy đoán vô tội” để tuyên bị cáo T và S không phạm tội và hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm xử lý vụ án: Đối với kháng cáo kêu oan của các bị cáo không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chứng cứ bị cáo T là thân nhân gia đình liệt sỹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Minh T và bị cáo Nguyễn Hải S trong hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Bị cáo Phạm Minh T và bị cáo Nguyễn Hải S kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy một phần Bản án sơ thẩm, tuyên các bị cáo không phạm tội.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Hải S đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Đối với bị cáo Phạm Minh T: Tại Bản tự khai (Bút lục 184) bị cáo trình bày: “...Tối khoảng 22 giờ thì chúng tôi góp mỗi người 500.000 đồng để mua ma túy về sử dụng...Sau đó, chúng tôi lên phòng karaoke Romance sử dụng thì bị bắt”. Ngoài ra, tại các Biên bản ghi lời khai (bút lục 174), biên bản hỏi cung bị can 177, 178, 182, 183) bị cáo Phạm Minh T đều khai là các bị cáo góp mỗi người 500.000 đồng để mua ma túy về sử dụng.

Đối với bị cáo Nguyễn Hải S: Tại Biên bản ghi lời khai (bút lục 174) bị cáo khai: “...Trong lúc nhậu, chúng tôi rủ nhau góp mỗi người 500.000 đồng để

mua ma túy sử dụng. Tôi, Q, T3, T, T2 và T1 góp được 3.000.000 đồng. Số tiền trên đã đưa cho Q và T1 đi mua ma túy... đến thuê Phòng số 226 để hát và cả nhóm cùng sử dụng ma túy..”.

Bị cáo T và S trình bày bị cáo có đồng ý góp tiền 500.000 cho hai bị cáo Trần Duy Q, bị cáo Ngô Hoàng T1 đi mua ma túy về sử dụng chung và bị cáo cùng sử dụng ma túy mà Q và T1 mua về. Bị cáo S cho rằng cơ quan tiến hành tố tụng không làm rõ số ma túy trên bàn là của ai tàng trữ, căn cứ nào để kết luận số ma túy trên bàn là của 6 bị cáo cùng tàng trữ. Các lời khai trong suốt quá trình tố tụng đều thể hiện rõ sau khi vào quán karaoke bị cáo T1 và Q để 01 túi Nilon chứa ma túy ra đĩa để cả nhóm cùng sử dụng.

Xét thấy, lời khai của bị cáo T và bị cáo S hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo còn lại, biên bản phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo S và bị cáo T cũng thừa nhận việc các bị cáo góp tiền 500.000 đồng mua ma túy để sử dụng. Bị cáo S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị cáo T thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt. Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị phải có cơ sở chứng minh được việc bị cáo Trần Duy Q, Ngô Hoàng T1, đi mua ma túy bằng tiền của các bị cáo đóng góp. Xét thấy, trình bày trên không có cơ sở vì tại phiên tòa bị cáo S và bị cáo T cùng thừa nhận hành vi đóng góp tiền 500.000 đồng mua ma túy cùng sử dụng chung tại một điểm, hành vi của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác có tại hồ sơ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác, biên bản phạm tội quả tang, mẫu giám định, bản kết luận giám định, khối lượng, trọng lượng ma túy đủ cấu thành tội phạm quy định tại điểm i khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 phù hợp với điểm c mục 3.7 phần II Thông tư Liên Tịch 17/2007/TTLT- BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao, Tòa Án Nhân Dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “ Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật Hình Sự năm 1999.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo S kháng cáo đề nghị tuyên hủy một phần Bản án sơ thẩm và tuyên bị cáo không phạm tội là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại đơn kháng cáo (BL387) bị cáo T cho rằng Tòa cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có bác ruột là liệt sỹ. Tuy nhiên, bị cáo giao

nộp các tài liệu để chứng minh cho tình tiết giảm nhẹ này sau khi Tòa cấp sơ thẩm tuyên án. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T thay đổi yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và nộp chứng cứ bác ruột (trong thân tộc) là liệt sỹ; tuy nhiên chứng cứ này không đủ xét thuộc trường hợp có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và mức án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo phù hợp với mức án khởi điểm đầu khung hình phạt là đã có xem xét mức án, tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo khi lượng hình nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T.

[3] Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị phù hợp chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T và S

Không phù hợp chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Kháng cáo của bị cáo T, S không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Hải S, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 08/2020/HS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

1. Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố các bị cáo Phạm Minh T và Nguyễn Hải S phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo **Phạm Minh T 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải thi hành án phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó (từ ngày 08/9/2019 đến ngày 17/9/2019).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hải S 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải thi hành án phạt tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó (từ ngày 08/9/2019 đến ngày 17/9/2019).

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Minh T và bị cáo Nguyễn Hải S phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh - VKS huyện;
- PV 27- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA huyện;
- TAND huyện;
- CA huyện;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Thanh Nữ